

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 5 (Phần Cuối)

BẢN LUẬN QUYỂN 16

Địa do tư thành, Tư, là Tư lự, tức ý thức tư duy biến hành, đều nhân Tư, sinh ra tuệ, gọi là Tư tuệ.

Nay, lấy nhân Tư tuệ mà thành các pháp, thể chung cho năm uẩn, là thể của Địa này.

Văn chia làm hai:

1/ Nêu, ra ba môn.

2/ Tùy giải thích riêng.

Tự tánh thanh tịnh. Nghĩa là nói về Thể của tư tuệ. Vì phân biệt với sinh đắc thiện, nên gọi là Thanh tịnh.

Tư trạch sở tri. Nghĩa là tư duy, lựa chọn tất cả pháp nên biết.

Tư trạch các pháp. Nghĩa là tư duy, lựa chọn văn xuôi của kinh Phật và các nghĩa pháp yếu của bài tụng.

Xa lìa tất cả chỗ bất tư Nghị xứ. Nghĩa là cảnh đặt để, ghi nhận và cảnh chứng của các Địa chẳng phải phần của mình.

Khéo biết rõ mặc thuyết, đại thuyết. Luận sư Thái nói: “Không có bản thừa lời nói đã phát ra, gọi là mặc thuyết; có bản thừa, như đã được nghe nói từ chỗ Phật, Bồ-tát, gọi là Đại thuyết.”

Luận sư Khuy Cơ nói: “Tà thuyết của ngoại đạo và các thiện ác, gọi là hắc thuyết. Chánh thuyết của nội đạo và các điều thiện, được gọi là Đại thuyết. Đối với phần ít pháp, chỉ sinh tín, hiểu v.v... Nghĩa là ít chỗ sở tri, kiến giải chẳng phải là phần mình, gọi là phần ít pháp, chỉ nên tin, hiểu, không nên chê bai. Nếu đối với một ít pháp sở tri, phần của mình, thì nên dùng tuệ để quán sát.

Đoạn thứ hai, trong tư duy chọn lựa sở tri, văn chia làm ba:

1/ Hỏi đáp chung về thể.

2/ Phân biệt sơ lược về thể của hỏi đáp.

3/ Tùy theo giải thích riêng.

Giải thích riêng có ba:

a/ Giải thích pháp “có”.

b/ Giải thích pháp “không”

c/ Nói về cả hai “có và “không”.

Pháp “có” có hai:

1/ Nêu năm môn.

2/ Tùy theo giải thích riêng.

Pháp “có” của tự tướng, văn chia làm ba:

1/ Nêu bày.

2/ Giải thích riêng.

3/ Kết thành thắng nghĩa.

Tướng “có”. Nghĩa là tức trí chân như căn bản được, chứ chẳng phải tướng an lập, tướng của tướng trạng mà có, tức tánh y tha, tướng hiện tại có. Chỉ ở đời hiện tại, chẳng phải ở vị lai, phải đủ bốn nghĩa trong cái “có” của hiện tại, mới là “pháp có” của tự tướng. Nghĩa là các pháp giả đại khái có ba thứ:

1/ Tự tập giả, như bình, chậu v.v...

2/ Nối nhau giả lập một hữu tình ở ba đời. Nghĩa đến nay không dứt, tức là sự nối tiếp nhau kia.

3/ Phần vị giả, nghĩa là Bất tương ứng v.v...

Nay, vì chẳng phải ba thứ này, nên tự tướng “có”.

1/ Ở chỗ này gọi là có thể được. Nghĩa là trí Hậu đắc chứng tánh y tha, dù tách rời danh ngôn, nhưng do danh giải thích, thuận với danh, chẳng phải như Chân như, vì không thuận với Danh, nên gọi là “có thể được”, là phân biệt với tánh Viên Thành Thật, vì dù có tên kia, nhưng không có sự của thể.

2/ Danh này đối với sự này chẳng phải không quyết định. Nghĩa là phân biệt với phần vị giả, vì danh này chỉ gọi là sự này, như đã nhìn thấy tên xanh v.v... nhất định gọi là sự xanh, chứ chẳng phải như người bị bệnh nóng, nhìn thấy màu xanh, cho là vàng. Khi bệnh nóng kia đã lành, thì lên bệnh nóng kia vàng nọ không nhất định. Vì mê loạn nên như thế, gọi là không nhất định. Cũng như chiếc bình vỡ thành ngói, thì bỏ đi tên bình. Do Vô thường, nên tên gọi không quyết định.

3/ Danh này tùy-chuyển vô ngại đối với sự này. Nghĩa là danh, sắc v.v... hoặc tụ, hoặc tán, danh thường chuyển biến theo, chứ chẳng phải như bình v.v... đối với chỗ nhóm họp, tên nó tùy chuyển; ở nơi ly tán, tên nó thối lui trở lại. Trái lại, làm rõ danh đối với việc này không có trở ngại tùy chuyển, tức phân biệt với tu tập giả.

Tướng hiện tại “có”. Nghĩa là phân biệt với tướng tục giả. Nếu hiện đã sinh là Nhân của vị lai, là quả của quá khứ thì mới là pháp tự tướng “có”.

Trong công tướng (khái niệm), văn cũng có ba, đó là: Nêu, giải thích, kết.

Chủng loại công tướng. Nghĩa là chủng loại của năm uẩn dù Thể của chúng đều mang nghĩa chứa nhóm riêng, nhưng đều gọi là chung là “uẩn”. Uẩn là cộng tướng, là cộng tướng của thành sở tác. Luận sư Cảnh nói: “Nhân dù thiện, ác, lậu, vô lậu khác nhau, nhưng phân tích về nghĩa quả thì đều gọi là “cộng tướng do một thứ thành”.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Sáu thức, ba nghiệp với thể của tư dù khác, nhưng về thiện, hữu lậu thì đồng, đều chiêu cảm quả ái, gọi là cộng tướng sở tác, với những loại như thế.”

Cộng tướng của tất cả hành. Nghĩa là Vô thường, nay, y cứ ở văn này, chỉ quán Vô thường, tức chẳng phải Hiện lượng, vì quán cộng tướng này. Cho nên, Luận Tập Lượng nói: “Vi Hiện lượng chỉ lấy cảnh của tự tướng.” Thế, nên Luận ấy nói: “Tâm tán Lại-da của năm thức “duyên” tự tướng của cảnh, là hiện lượng kia. Trong ý thức, nếu là tâm định, thì cho dù “duyên” hữu vi, thực hiện quán Vô thường đi nữa, nhưng mỗi hữu vi đều chứng riêng vô thường trên Thể của các Hành. Cho nên, hiện lượng đều là cảnh của Tự tướng.”

Luận sư Giới Hiền nói: “Như bốn thiện căn quán năm uẩn Vô thường, đều có một tướng Vô thường trên năm uẩn, phải quán tâm hiện tại, như dùng một sợi chỉ xuyên chung các đóa hoa. Ở đây, tức năm uẩn chung một tướng Vô thường, ở đây chẳng phải Hiện lượng. Nếu kiến đạo quán năm uẩn Vô thường, thì sẽ có năm tướng Vô thường riêng, đo đó, cần phải quán tâm hiện thực. Vì một tâm quán có năm kiến giải kia chứng riêng năm uẩn Vô thường, cũng là cảnh của Tự tướng.

Người phương Tây có giải thích rằng: “Như Kiến đạo của Tiểu thừa chỉ quán Vô thường mà Chân như được hiển bày. Tự tướng thắng nghĩa như thế, cho nên là Hiện lượng. Nếu với tâm lo phân tán “duyên” pháp cộng tướng thì sẽ không biết được Tự tướng. Như thấy có khói lửa mà không biết được tự tánh nóng của lửa, nên cũng không biết được lửa đó là thuộc loại lửa nào? Lửa xuất phát từ cỏ ra hay từ phân v.v...?”

Giải thích về tướng giả trong pháp có, văn chia làm bốn:

- 1/ Tổng lược hỏi đáp, nêu.
- 2/ Hỏi đáp nêu danh.
- 3/ Tùy theo giải thích riêng.

4/ Tổng kết thành.

Thuộc về chủ trương ứng ngôn luận, là nói phân vị giả, xa lìa ngôn luận kia đây; nói tụ tập giả, nghĩa là nói cửa v.v... của nhà.

Luận sư Cảnh nói: “Lấy cái giả này để làm sáng tỏ ngôn luận này, nghĩa là tướng tròn của viên đá, giọt đầu, ánh sáng của ngọn lửa hừng cháy, cũng nói là sự nhóm họp giả có. Nếu nói tiếng trống bay bổng là nói gió giả, nghĩa là có gió trần, cũng là sự nhóm họp giả có.

Lấy các giả kia để làm rõ cái giả kia, nghĩa là Đức Phật trao cho bạn đức y phục v.v... cũng nói là nhóm họp giả có.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Lấy cái này để làm rõ cho cái này. Nghĩa là dùng vật này lại làm rõ cho vật này, lấy cái kia để làm rõ cái kia: dùng vật thể khác để chỉ rõ riêng về vật thể khác.”

Xa lìa kia đây. Nghĩa là chẳng phải là hai vật giả ở trước, như cửa của nhà. Lấy cửa này để làm rõ chất cứng của đất trong ngôi nhà này, cho đến tướng lay động của gió đều chuyển biến ở chỗ thật tướng. Ánh lửa của ngọn lửa cháy bùng v.v... đều chuyển biến ở chỗ giả tướng. Ngọn lửa đốt lên, v.v... đều là ở chỗ giả tướng mà chuyển.

Ngọn lửa, là tên riêng khác của lửa giả; ngọn lửa hừng hực, gọi là ngọn lửa cháy bùng, là lấy cái kia để làm rõ trong kia. Đức Phật truyền trao, đều là hữu tình giả, thức uống ăn đồng là pháp giả. Xa lìa vật thể này trong kia, cửa v.v... của ngôi nhà, nhà lớn, cổng nhỏ, chẳng phải đủ khắp. Lấy vật này để làm rõ tự thể này, cũng chẳng phải lìa ngôi nhà mà có cửa riêng, cũng chẳng phải lấy cửa kia để làm rạn rõ cho cửa kia, cho nên là “câu phi”.

Mười phần trăm, ba phần mười:

Hỏi: “Vì sao không nói: một phần mười, hai phần mười ư?”

Giải thích: “Lại y cứ ở chỗ rõ ràng mà nói.” Mọi người cùng lập bày, mà khởi ngôn luận có sáu thứ. Trong đây nêu Thức và năm Biến hành, mỗi thứ đều mang tướng trạng riêng. Ý nói rõ pháp giả của cộng tướng không lìa pháp thật. Ở đây cũng đều đã lấy riêng Tự tướng là pháp thật có. Sáu thứ đã lấy pháp giả của cộng tướng, để tăng ích cho Tự tướng để khởi tướng trạng, tự tánh của ngôn thuyết, gọi là ngôn luận được thi thiết chung, như bình, chậu v.v... cho nên, Duy thức nói là giả, nghĩa là tăng ích, chứ chẳng phải thật tướng “có”, vì đối với sáu đối tượng đã biến chuyển, mỗi đối tượng đều gá vào thể chân thật Tự tướng, của mình mà tăng ích. Cho nên, dù đã lấy cảnh v.v... riêng, nhưng tướng trạng sở chấp cũng có thể lập chung lời nói giả. Nhưng sáu thứ này vì nhất định là cảnh phổ biến, nên chẳng nói cảnh khác.

Mọi người nêu bày chung mà khởi ngôn luận, tất nhiên, dựa vào sáu tướng trạng này, chứ chẳng phải nói sáu tướng trạng này quyết định là giả có. Tuy nhiên, Duy Thức nói: “Tác ý, chủ thể hiểu rõ tướng chung của việc và tâm sở khác, đã chấp tướng riêng. Trong đây, tức nói hai cảnh chung, hoặc ở đây chỉ nêu chủ thể chấp (năng thủ) cảnh chung, nên nói là đối tượng lấy (sở thủ) của tác ý hay khởi ở thức. Nếu không như thế, tức là trái với Luận Hiển Dương v.v... nói: “Lấy chung cảnh gọi là tâm, cũng gọi là riêng tâm sở.” Nhưng, quyển sáu mươi lăm nói: “một thứ giả”. Nghĩa là nếu pháp “có” đối đãi với cái khác, dựa vào đối tượng khác nhằm lập bày tự tướng, thì gọi là giả “có”. Như đối đãi, nương tựa uẩn, để lập bày có “ngã”. Đối đãi, nương tựa vào các tướng như sắc v.v... để giả lập sắc v.v...

Đối đãi, với năm trần v.v... lập ra nhà cửa v.v... Đối đãi với sự tướng của uẩn, lập ra sinh, già v.v... cho đến đối đãi với các sắc không chuyển biến, giả lập Hư không, như thế v.v...

Đối Pháp v.v... hoặc nói là hai giả, nghĩa là đối đãi với cảnh tướng của danh, ngôn. Hoặc đối đãi với danh, ngôn này, cảnh tướng khác.”

Kinh Đại Phẩm chép: “Ba giả, là Danh giả, Thọ giả, Pháp giả.”

Duy Thức cũng nói: “Ba giả: là Tụ Tập tương tục và phần vị.”

Luận Thành. Thật nói có bốn giả; là nhân sinh giả, tương đãi giả tương tục giả và Duyên sinh giả.”

Luận này Quyển một trăm nói: “Có sáu giả: Tụ tập giả, nhân giả, quả giả, sở hành giả, Phần vị giả và quán đãi giả.”

Trong đây và Luận Hiển Dương quyển mười tám lại nói có sáu thứ chỗ sinh khởi của ngôn luận, gọi là giả, rất dễ hiểu.

Đình, là nhà của đình Huyện. Lạ, nghĩa là vách che lấp trong nhân lưu chuyển.

Do hạt giống này, nghĩa là hạt giống của nghiệp.

Do huân tập này, nghĩa là hạt giống của danh ngôn.

Do sự giúp đỡ này, nghĩa là Vô minh ái thủ. Pháp kia lưu chuyển: sanh, già, chết khởi.

Các hành hoàn diệt trong nhân hoàn diệt. Nghĩa là: Ba tánh hữu lậu, Hành diệt, thì diệt giới.

Hoàn diệt tạp nhiễm. Nghĩa là Kiến, Tu, phiền não đoạn, đoạn giới và cõi không có dục. Đây là nói Diệt Đế mà có tất cả Đạo hay vắng lặng. Nghĩa là các Đạo vô lậu hay vắng lặng hai hoàn diệt trước. Đạo Vô lậu này năng nhập Niết-bàn, hướng về Bồ-đề và Đạo Tư lương kia, và phương tiện v.v... kia. Luận sư Cảnh nói: “Nghĩa là Đạo Tư lương

gần, và Đạo phương tiện, xa, năng giúp bạn, năng sinh Thánh Đạo (chủ thể sinh Thánh Đạo), chủ thể biệt biệt Niết-bàn. Từ tướng, cũng gọi là nhân hoàn diệt.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Và, Tư lương kia, tức là Đạo Tư lương và phương tiện kia, tức Đạo gia hạnh.

Năng sinh: là Đạo kia năng sinh hạt giống.

Năng phân biệt. Nghĩa là năng phân biệt về hiện-hạnh của Niết-bàn, vì Đạo Vô lậu.”

Đối Pháp Quyển chín nói: “Hoặc Đạo tư lương, hoặc Đạo gia hạnh, Kiến Đạo, Tu đạo, và Vô học Đạo, đều gọi là Đạo Đế.”

Nói nhân Hoàn diệt ở đây, chỉ gồm thân bốn pháp ở trước. Lại giải thích: “Tư lương, phương tiện trong đây đều là Đạo Vô lậu, là Đạo Vô gián, vì Gia hạnh gần, xa trước kia, không đồng với Đối Pháp, nói là Đạo năng vắng lặng, là Đạo Vô gián. Nếu phân biệt rộng, như trong nhân, quả của Tư, nên biết tướng đó.

Luận sư Cảnh nói: “Chỉ Địa Tu sở thành, gọi là quả tu, cũng có thể chỉ cho quyết định sau, gọi là quả của Tư.”

Luận sư Bị nói: “Khó hiểu quả của Tư, đem hỏi Ngài Tam Tạng, Ngài nói: “Nếu không hiểu được, thì hãy, nói rộng về chỗ tướng của quả, nên biết, tướng của nó. Nếu không được, vì trong năm tướng đều nói về tướng của quả, nên biết tướng ấy cũng có thể Địa có Tâm, Từ, nói rộng về nhân quả, vẫn gọi là quả của Tư.”

Y cứ ở pháp “có”, tức lấy năm nhân trước, như thứ lớp được năm quả.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Địa Quyết Trạch Tư tuệ nói: “Tư duy, bàn luận về nhân, quả. Nghĩa là như Địa có Tâm, có Từ đã nói: “Đây tức chỉ cho Bản Địa, phần trước kia và hai thứ Quyết Trạch phần; Địa có Tâm, có Từ đã nói đầu đủ về nhân, quả, nhiễm, tịnh. Trong pháp không có của sở quán (đối tượng quán), nếu xa lìa tánh, thì trong con bò sẽ không có tánh của con ngựa v.v... Nếu chẳng phải tánh có, thì uẩn, giới, xứ của người này chẳng phải tánh của uẩn, giới, xứ của người kia.

Tánh không hòa hợp. Nghĩa là các pháp lậu, vô lậu của ba tánh.

Lậu kia, vô lậu này không có tánh hòa hợp lẫn nhau. Nghĩa là Thắng nghĩa không có: Tự tánh lời nói của các thế tục đã nói, dựa vào Thắng nghĩa đều chẳng phải có.

Văn dưới đây hợp giải thích về tánh “có”, “không” của năm thứ, chia làm hai:

1/ Nêu chung.

2/ Giải thích riêng.

Nói thứ tư là tướng v.v... không hai, là tướng sinh, già v.v... gọi là tướng sai khác. Vì nói pháp sở y không có tự thể riêng, nên gọi là tướng không hai.

Tướng v.v... được nhận thức của Sự tướng. Tức các ngôn luận được lập bày chung trong sáu thứ ngôn luận ở trước.

Sau Như lai diệt độ, hoặc có, hoặc không v.v... chẳng thể giảng nói, Luận sư Cảnh nói: “Đây là nói chấp hóa thân là Như lai. Sau Như lai diệt độ, hoặc “có”, “không” v.v... không thể giảng nói, các ngoại đạo chấp giải thoát, Thần ngã gọi là Như lai có ba thân riêng. Hoặc “có”, hoặc “không”, là việc không thể nói. Lại, trước dựa vào thể không có, nay ở đây, dựa vào thể mẫu nhiệm, nên gọi là là sâu xa. Trái với năm thứ không có tánh là năm thứ có tánh như sự thích ứng, nên biết.

Đoạn lớn thứ ba, Tư duy, lựa chọn các pháp, văn chia làm hai:

1/ Nêu. 2/ Giải thích.

Tư duy, lựa chọn Nghĩa Tố-Đát-lãm. Tạng Tố-Đát-lãm dựa vào luận này để nói bảy phần thuộc nhiều phần trong mười hai phần, trừ Duyên khởi, Thí dụ, Bốn sự, Bốn sinh. Bốn phần này thuộc về tạng Tỳ-nại-da, là tự tánh của Duyên Khởi, là ba quyển thuộc khác. Lại, trừ Luận Nghị vì thuộc về tạng A-tỳ-đạt-ma. Dựa trong bảy phần, trừ đơn bài tụng Già-đà, kinh Phúng bài tụng, sáu phần giáo còn lại là đối tượng tư duy lựa chọn nghĩa Tố-Đát-lãm. Đơn bài tụng Già-đà là đối tượng tư duy lựa chọn nghĩa Già-đà. Ở đây ba thứ Thắng nghĩa Già-đà, nghĩa là nói về lý Vô ngã.

Ý thú Già-đà; Là giải thích ý Già-đà, như bốn ý thú v.v...

Già-đà nghĩa thể. Luận sư Cảnh nói: “Nghĩa là nói về thể tánh khác nhau của các pháp. Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nghĩa là nói về nghĩa lý, thể tánh trong Già-đà.

Y cứ trong Thắng nghĩa Già-đà, văn chia làm hai:

1/ Nêu bài tụng của kinh.

2/ Tùy theo giải thích riêng.

bài Tụng có trong bốn mươi bốn. Pháp sư Thái nói: “Được chia làm hai:

1/ Có mười sáu bài Tụng, chỉ rõ số quán của phẩm Tạt nhiệm. 2/

Có ba mươi tám bài Tụng, nói rõ chủ thể quán Vô ngã v.v... của phẩm Thanh Tịnh.

Bị Luận sư nói: “Đầu tiên, có mười một bài Tụng, nói về Nhân Vô ngã. Tiếp theo, có năm bài Tụng, nói về thời gian mà tạt nhiệm khác

nhau đã nương tựa. Sau, có hai mươi tám bài Tụng, nói về phẩm Thanh tịnh, lúc quán Như thật được thanh tịnh v.v...

Nay, nương theo điều mà hai Luận sư Cảnh, và Cơ đã phán quyết, mà chia thành mười hai:

1/ Chín bài Tụng đầu, nói không có ngã của hữu tình và các pháp của Nghĩa thể, tác dụng.

2/ Có hai bài Tụng nói về Vô minh, tham ái, tự tánh Tập nhiễm của tại gia, Xuất gia.

3/ Có năm bài Tụng, nói về phẩm Tập nhiễm dựa vào thời gian của Nhân.

4/ Có bốn bài Tụng nói về Tự, tướng cộng tướng và hai Đế quán.

5/ Có hai bài Tụng nói về không có nghĩa hòa hợp của ba thứ pháp.

6/ Có một bài Tụng nói về tâm sở đồng tánh tương ứng với chẳng phải tánh v.v... khác nhau.

7/ Có hai bài Tụng dựa vào lý của hai Đế, nhằm nói về “Nhân”, “Pháp”, “có”, “không”.

8/ Có một bài Tụng nói về người làm (tác giả) người nhận (Thọ giả), “một”, “khác” không thể nói.

9/ Có năm bài Tụng giải thích về thừa hỏi nghi ngờ chung.

10/ Có một bài Tụng nói về Tập sinh Khổ Đế, giải thoát v.v...

11/ Có một bài Tụng nói về thức A-lại-da, thí dụ như dòng Trì phái.

12/ Bảy bài tụng sau, chỉ thị rõ ràng về sự hiểu rõ giải thoát Biến tri và ràng buộc Biến tri.

Văn trong chín bài Tụng đầu được chia làm ba:

a/ Năm bài Tụng đầu, chín thức nói Vô ngã và tác dụng.

b/ Ba bài Tụng rưỡi, nói lại pháp không có tác dụng.

c/ Có nửa bài Tụng sau nói về pháp từ duyên sinh, tự nhiên mà diệt.

Trong giải thích bằng văn xuôi được chia làm hai:

a/ Giải thích chung về ý bài tụng.

b/ Nhắc lại riêng, giải thích.

Đối trị thêm, bớt biên chấp, nghĩa là chấp có tác dụng của ngã, gọi là tăng ích; bác pháp tánh “không”, gọi là tổn bớt. Đây là nói theo cảnh giới chung của ba thừa, không nói pháp tăng và Chân như bớt.

Trong phần nêu riêng, giải thích, hoặc tùy theo nghĩa, giải thích thành mười hai đoạn. Như thế, nửa bài tụng ngăn ngừa phân biệt của

nghĩa riêng về đối tượng phân biệt ngã. Nghĩa là bác bỏ “ngã” lìa uẩn. Các pháp cũng không có tác dụng v.v... Nghĩa là bác bỏ “ngã” tức uẩn, vì tác dụng của các uẩn ngã cũng đều không. Đây là nói không lấy vi tế nhiều ngã, tức là chủ thể đối trị v.v...

Luận sư Cảnh nói: “Biết rõ chỉ pháp lưu chuyển uẩn, giới, Xứ của mười hai chi Hữu, không chấp nhiều ngã chân thật, cho nên trừ chấp chúa tế v.v...”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nói nhiều pháp vi tế như các uẩn v.v... tức là chấp Năng đối trị chủ thể v.v... không dựa vào một thân để chấp có vi tế, vì nhiều thật ngã.”

Thành Duy Thức chép: “ngã” lẽ ra như uẩn, vì chẳng phải thường, “một”. “Nếu “ngã” này là không, thì làm sao Kiến lập trong, ngoài, thành tựu v.v... ?”

Kế dưới đây, có sáu lần “thế nào?” Đề dựa theo trước để khởi câu hỏi sau. Ở đây, ý hỏi rằng: Nếu “ngã” là “không”, thì làm sao lập ra trong, ngoài?”. Câu hỏi thứ hai rằng: “Nếu tất cả là không thì làm sao được có người, chủ thể quán “không”, cảnh, đối tượng quán không? Câu hỏi thứ ba rằng: “Chủ thể, đối tượng quán (năng, sở quán) đều là không, sao được có phàm, Thánh khác nhau?”

Luận sư Cảnh giải thích thêm: “Cũng có thể phá bậc Thánh kia, nghĩa là Độc Tử Bộ chấp có tánh của “ngã” và phá phàm phu chấp “ngã”, đều là điên đảo.

Câu thứ tư, hỏi rằng: “Nếu phàm, Thánh là không thì sao lại được có chủ thể giáo (Năng giáo) đối tượng được giáo hóa (sở quả), kia, đây khác nhau?”

Câu hỏi thứ năm: “Nếu không có “năng giáo”, “sở hóa” thì làm sao được có người nhiễm, kẻ tịnh?”

Trong đây là đáp câu hỏi đầu, pháp giả, chẳng chân thật, là đáp: “Nhân”, “Pháp” chẳng phải thật. Với ba câu hỏi sau, chỉ đáp: “Ngã” Vô thường.

Sáu pháp hỏi đáp không có tác dụng, như thứ lớp kia, chủ thể, tác giả đều không có sở hữu, nghĩa là không có nhiệm trì, không có chủ thể, không có sai khiến: Nghĩa là không có tác giả.

Sự khác nhau trong đoạn thứ ba, là nhân sở y và thời gian. Luận Đối Pháp nói: “Nghĩa là đối với thời gian nhân, có chủ thể dẫn (năng dẫn), đối tượng dẫn (sở dẫn). Đối với thời gian của quả, có chủ thể sinh (năng sinh), đối tượng được sinh (sở sinh).

Dẫn phần vị nhân, gọi là nhân; phần vị biến chuyển, thành thực,

gọi là quả. Hai thứ này, gọi là thời phần. (phần vị thời gian). Cho nên, ở đây nói: “Các pháp có phân, các khổ có nhân, bảy thứ trước đều là có nhân nên gọi là các pháp có nhân. Hai thứ sau là các khổ, nhưng ái thủ hữu vi có nhân nên gọi là các khổ có nhân chẳng phải trong cũng chẳng phải ngoài v.v... trong bài Tụng, cho đến chủ thể sanh tạp nhiễm. Ý trong đây nói mười lăm bài Tụng nói về Phẩm tạp nhiễm dựa vào nhân, trong thời gian.

Hai bài Tụng đầu, nói về nghiệp phiền não sinh tạp nhiễm. Ba bài Tụng dưới, nói dựa vào các hành quá, hiện nay sinh tạp nhiễm, không dựa vào vị lai mà sinh tạp nhiễm.

Y bảy câu đầu, nói vị lai không sinh tạp nhiễm. Năm câu sau, nói dựa vào quá, hiện có thể sinh tạp nhiễm. Nghĩa là không dựa vào vị lai, căn trong, trần ngoài mà sinh ra tạp nhiễm, vì hành chưa sinh nên ở đời quá khứ có thể được sinh Hành. Cho nên, nói rằng: “có thời gian mới có thể được”, chứng tỏ trái lại, vị lai không có thời gian để được.

Lại giải thích: “Vị lai ở vị lai sinh ra nhiễm không thể được. Từ vị lai đến hiện tại sinh nhiễm có lúc được. Nếu thành đã sinh, tức do tướng này không có phân biệt.” Đây là giải thích lời bài tụng nói: “Giả sử các hành đã sinh. Do đây nên không được.”

Nghĩa là giả sử trong quá khứ, hiện tại đã sinh ra hành, tạo ra quán bất sinh, không ở trước, trong, ngoài, chính giữa. Do quán này, nên không còn phân biệt, không được sinh ra ba thứ tạp nhiễm. Vì vị lai vô tướng nên không có phân biệt. Thích luận nói vị lai không có tướng, là nói tướng vị lai đều thật có, đều là vô phân biệt mà sanh tạp nhiễm.

Như đây, như thế, tướng lai quyết định không thể biết, kết nàu vị lai quyết định không thể biết, nên không sinh tạp nhiễm.

Nếu không phân biệt như thế, thì loại khác đôi khi có thể được. Nghĩa là nếu không phân biệt như thế, thì vị lai sẽ khác với quá khứ, hiện tại, đôi khi có nghi rằng, vị lai có dẫn sinh các tạp nhiễm có thể được. Nếu đối với quá khứ, thì có thể phân biệt như thế.

Như thế “Như thế, từng có tướng mạo vì có thể phân biệt.” Đây là giải thích trong bài tụng: Quá khứ có thể phân biệt, năng sanh tạp nhiễm chẳng phải chỉ từng mà có thể chẳng phân biệt, cho đến sanh các tạp nhiễm. Đây là giải thích trong bài tụng. “Phân biệt từng đã trải qua, chẳng phải từng cũng phân biệt.” Đại ý này xác định rõ chẳng phải chỉ có cảnh đã từng trải trong quá khứ có thể phân biệt sinh ra các tạp nhiễm, mà ngay như các cảnh hiện tại chưa từng trải qua, vì chưa từng trải, nên dù không rõ ràng “duyên” lấy tướng mạo đó, nhưng tùy theo

chúng loại đã từng được trong quá khứ.

Với cảnh mới của hiện tại này cũng có thể phân biệt sinh các tạp nhiễm. Đây là văn kết, rất dễ hiểu.

Hành, dù có từ vô thí nhưng mới có thể được. Nghĩa là từ thời vô thí đến nay, Hành thường theo đuổi khởi, cho nên, vô thí đến nay thường khởi theo, cho nên vô thí thường mới sanh khởi, cho nên mới chẳng phải là không.

Trong đoạn thứ tư có bốn bài tụng:

Một bài tụng rưới đầu, nói về quán Tự tướng. Nhật thân, nghĩa là Phật. Kiều-Đáp-Ma, Hán dịch là Nhật chữ, nên xưng Phật là Nhật thân. Nửa bài tụng tiếp theo, nói về quán cộng tướng. Hai bài tụng sau, nói về quán hai Đế:

Ba câu đầu, quán Thắng Nghĩa Đế; năm câu sau, quán thế tục Đế. Vì pháp không có tác dụng thật, nên không có si thật. Vì không có hữu tình thật, nên không có si thật. Vì thế, nên ba câu trên nói: “Si không thể si, si cũng không thể si người kia. Chẳng phải người không ngu khác có thể ngu kia, đây gọi là quán Thắng Nghĩa đế.

Sự ngu si trong quán Thế đế chẳng phải không có. Chẳng phải người không ngu khởi, có thể nói là có si và người có si.

Đoạn thứ năm, có hai bài tụng. Trong giải thích, nói nghiệp là sở tùy (đối tượng tùy); Thức là năng tùy (chủ thể Tùy), vì quả tùy theo nhân, không có trong Thắng Nghĩa.

Lại ba đời, ba nghiệp, nói là không hòa hợp, chẳng phải đối với một đời. Lại một đời ba nghiệp không tương thật, nên chẳng phải không có pháp giả. Nếu đời kia và nghiệp này lại tương ứng lẫn nhau, các hành như phước v.v... không có hòa hợp, lại tương ứng lẫn nhau, nói là nghĩa hòa hợp. Ba nghiệp của ba đời làm phước v.v... quyết định không có nghĩa tương ứng.

Đoạn sáu, trong giải thích một bài tụng: tâm tương ưng cũng thế. Không thật có tánh tương ứng tùy chuyển, chẳng phải không có pháp giả. Lại, tương ứng, nghĩa là tánh đồng; Bất tương ứng, nghĩa là tánh riêng. Chẳng phải tánh “đồng”, nghĩa là hoặc không tương ứng; chẳng phải tánh “dị”, nghĩa là hoặc chẳng phải bất tương ứng. Do đây nên biết không có tánh tùy chuyển thật.

Trên đây, đã giải thích hai câu đầu. “Lại chẳng phải tất cả tâm hoặc tương ứng; hoặc không tương ứng.” Là giải thích hai câu dưới, trong tương ứng lại chẳng phải tất cả nhất định tương ứng, với tất cả. Nếu tất cả bất tương ứng thì cũng chẳng nhất định bất tương ứng, đối với

Thắng Nghĩa đế, không có nghĩa thật sự tương ứng, chẳng tương ứng.

Đoạn thứ bảy có hai bài tụng, dựa vào lý của hai Đế, để nói về “người”, “pháp” “có”, “không”:

Một bài tụng giữa, đầu dựa vào Thế Tục Đế, nói về nhân duyên tùy chuyển của tâm. Nửa bài tụng tiếp theo, dựa vào Thắng nghĩa đế, để nói về Thể của “ngã” là không. Một nửa bài tụng sau, nói dựa vào Thế Tục Đế, có làm, thì thọ.

Lưu, nghĩa là giống nhau, giống nhau vì quả nối tiếp. Không có đoạn, nghĩa là không giống nhau vì quả sinh. Đây là nói quả Đẳng lưu và ba hữu khác là quả.

Đoạn thứ tám có một bài tụng, nói về tánh “một”, “khác” của người, vật không thật có, vì chỉ có nhân quả khác nhau sinh.

Đoạn thứ chín có năm bài tụng, giải thích trong vấn nạn của nghi chung. Lại ở đây nhân của đạo không dứt.

Bốn câu trong bài tụng, như thứ lớp kia giải thích về bốn vấn nạn này:

1/ Nạn rằng: “Nếu không có “ngã”, về sau có, thì lẽ ra là đoạn?”

Đáp câu đầu: “Vì nhân của Đạo không dứt.”

2/ Có nạn rằng: “Quả nên cùng sanh?”

Đáp lại lời vấn nạn này: “Tác dụng hòa hợp chuyển biến, chẳng phải ngay tức khắc, vì chẳng phải cùng có tác dụng hòa hợp.

3/ Có người vấn nạn: “Nếu không có thật ngã thì lẽ ra phải từ tất cả, vì tất cả được sinh?”

Kế là đáp rằng: “Từ nhân, mà sinh tự, không có nhân tha, vì có bất sinh.”

4/ Có nạn rằng: “Đã không có “ngã” thì ai nhiếp thọ việc đã làm, vì tác dụng của sinh, tử v.v... ?”

Ở đây đáp: “Và nhiếp thọ, việc đã làm, do nhân không dứt, quả sinh, lập giả, nghĩa là chủ thể nhiếp thọ, vì đối tượng tác động thật ngã, nên trở thành không có. Do đây gọi là bốn câu như thứ lớp.

Bài tụng đầu, “chỉ bày rõ cho đến” không thể nhìn thấy”, Luận sư Cảnh nói: “Đây là y cứ ở cảnh ngã sở duyên (đối tượng duyên ngũ) của Mạt-na, gọi là tự nội chứng. Về hành tướng của Mạt-na chấp ngã, thật khó biết, gọi là vô sắc, không thể thấy.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Kinh nói: “Vì sắc tướng là Tâm, Tự, vì khó nói, bày cho người khác, nên không thể thấy.” Tự tướng sắc sở chứng tánh lìa nói năng, vì cảnh tâm từ không gọi là tự tướng, gọi là tâm tư, khó chỉ bày cho người.

Đoạn thứ mười có năm bài Tụng nói về tập trong khổ sinh, chỉ rõ Ngã kiến kia do thứ lớp Tập phát sinh khổ, nghĩa là tham ái chính là vì tự thể của Tập, tức cảnh nội tham, gọi là duyên tham ái, năng sinh khổ, đều gọi là Tập. Ngã Kiến và Khổ đều gọi là nhân duyên sẽ khổ. Thể của Ngã kiến cũng là Khổ.

Đoạn thứ mười một, một bài Tụng nói về thức A-lại-da. Thí như phái trì lưu, ở đây nói là nghĩa “bất nhất”. Kinh Lăng-già nói: “Như biển gặp gió duyên cảnh v.v... gió bị kích động v.v... nói về bài Tụng nghĩa không khác. Vì thế, nên nghĩa văn đó đây không sai trái. Lại, ở đây y cứ ở nghĩa gốc, ngọn, còn kinh kia thì y cứ ở nghĩa Thể, Dụng, cả hai nghĩa đều thành không có nghĩa “một”, “khác”.

Đoạn thứ mười hai, có bảy bài tụng, chỉ bày rõ về sự hiểu rõ trong giải thoát, biến tri và ràng buộc biến tri. Văn chia làm hai:

1/ “Lại, pháp hành...”: Giải thích chung bảy bài Tụng: hiểu rõ ràng buộc biến tri.

2/ Giải thích riêng bảy bài Tụng.

Trong giải thích riêng có hai:

a/ Một bài tụng nói hiểu rõ ràng buộc biến tri.

b/ Sáu bài tụng còn lại nói về hiểu rõ giải thoát biến tri. Trong đó, một bài Tụng đầu, nói về “hoặc” đã lia, tức là Mạt-na với bốn “hoặc” đều đồng sinh, đồng diệt, chẳng trước, cũng chẳng phải sau. Nghĩa là Kim Cương Đạo Khởi ý nhiệm bốn “hoặc” đều dứt cùng lúc, cho nên, không có trước, sau.

Lại, chẳng phải trước, nghĩa là Mạt-na với “hoặc” vì thường đều cùng sinh; sao chẳng phải sau, tức đều diệt với hoặc kia.

Giải thích sau phù hợp thuận với văn xuôi.

Tiếp theo, hai bài Tụng kể làm rõ tánh giải thoát.

Luận sư Thái nói: “Chính Mạt-na kia trước đều cùng lúc với “hoặc”, chứ chẳng phải vì tánh nhiệm của bốn “hoặc”, tức nói bốn “hoặc” đều cùng lúc, vì Mạt-na giải thoát bốn “Hoặc”, nên chẳng phải Mạt-na kia đều sinh chung với “Hoặc”. Sau khi dứt “hoặc” rồi, đã có riêng bốn ý thanh tịnh khác sinh, khác ý nhiệm trước kia.”

Bị Luận sư nói: “Có riêng ý thức thứ sáu sinh, khởi, trị tâm Mạt-na và “hoặc”, nên ý thức thứ sáu tự có “hoặc”; không có “hoặc”, dù khác mà tánh vẫn thanh tịnh, tức gọi là giải thoát.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Nhiệm ô trước không gọi là giải thoát, chẳng phải ý tịnh sau được gọi là giải thoát ý của Nhị thừa chỉ nhiệm ô không có, vì đối tượng tịnh (sở tịnh) là không, nên ý của chủ thể tịnh

(Năng tịnh) cũng không có, chứ chẳng phải chủ yếu ý tịnh mới gọi là giải thoát.”

Một bài tụng kế là, giải thích Niết-bàn Hữu Dư. Một bài tụng kế nói về Niết-bàn Vô Dư. Một bài tụng sau, nói không có thật thú hưởng sinh tử, Niết-bàn.

Đoạn thứ hai, giải thích về thú trong Già-đà. Văn chia làm ba:

- 1/ Kết trước, sinh sau, nêu lên thừa thỉnh.
- 2/ Nêu Già-đà.
- 3/ Tùy theo giải thích riêng.

Văn trong năm mươi mốt bài tụng chia làm hai:

- 1/ Một bài Tụng đầu, Phạm vương thỉnh cử hỏi.
- 2/ Năm mươi bài Tụng sau, Đức Thế tôn đáp.

Thừa hỏi có hai: Nửa bài tụng trên khen ngợi, nửa bài tụng dưới thừa. Có ba:

- 1/ Hỏi về Thể của học.
- 2/ Hỏi về Số của học.
- 3/ Hỏi về pháp học.

Như thứ lớp phối hợp thỉnh Học và Sở học và Văn tu học trong bài Tụng.

Y cứ trong phần đáp năm mươi bài Tụng, có hai giải thích:

a/ Nếu lấy đoạn văn thì hai mươi hai bài Tụng của quyển này, tức hai mươi hai đoạn.

b/ Quyển sau có hai mươi tám bài Tụng, giải thích chia làm mười chín đoạn. Đến quyển sau sẽ phối hợp năm mươi bài tụng. Nếu lấy khoa nghĩa thì chia làm hai:

- 1/ Một bài Tụng đáp thể của học, số của học.
- 2/ Số bài Tụng còn lại, đáp tu học ở đường lai.

Y cứ phần đáp trong tu học đương lai, được chia làm mười bốn đoạn:

- 1/ Một bài Tụng, nói về phương tiện Học.
- 2/ Có một bài Tụng, nói về thứ lớp Học sinh khởi.
- 3/ Một bài Tụng, chỉ rõ về thứ lớp thanh tịnh khác nhau của hữu

Học.

4/ Một bài tụng nói về quả sở đắc của tu tập chung riêng.

5/ Một bài tụng nói về sự tu tập chung, riêng, nhân duyên xoay vần của hữu Học.

6/ Có ba bài Tụng, nêu chung, nghĩa là thứ lớp làm nhân quả sau.

7/ Tiếp theo, có ba bài tụng, nói về cộng với bất cộng thành, bại

của hữu Học.

8/ Có một bài Tụng, nói về Học chánh, tà.

9/ Một bài Tụng nói về ba học lia chương thành mãn.

10/ Có một bài Tụng, nói về sự khác nhau của Thọ.

11/ Một bài Tụng nói về thuần túy, tạp nhạp có thể được của hữu Học.

12/ Có hai mươi một bài tụng, nói thuần nói về Giới Học, xa lia thanh tịnh.

13/ Có chín bài Tụng rưỡi, nói thuần túy về Định học, xa lia, thanh tịnh.

14/ Có ba bài tụng rưỡi, là nói thuần về tuệ học, rốt ráo thanh tịnh.

Chúng sinh lười biếng phần nhiều sợ hãi mà ra . Nghĩa là vì ưa nghe tóm tắt, cho nên sợ tu học nhiều. Dù có sáu độ, muôn hạnh, nhưng chỉ nói ba học, vì danh từ ba học gồm thấu tất cả hạnh, vì chẳng phải nói một cách rõ ràng, nên gọi là mật ý.

Như thế, sáu chi chỉ bày rõ ràng bốn thứ Thi la thanh tịnh, nghĩa là một chi đầu, là “Thọ”; năm chi sau là “Trì”. Vì đối với Trì là gốc, nên là căn bản sở y (đối tượng nương tựa).

Câu đầu là chung, vì mới thọ giới gọi là an trụ. Năm chi sau là bốn tên thuộc Trì giới, gọi là bốn tịnh, như văn đã nêu.

Về nghĩa sáu chi này trước đây dù nói sơ lược, nhưng đến Địa Thanh văn thì nói rộng.

Chỉ bày bốn đường ba cõi, Nghĩa là trì giới được đường lành người, Trời của cõi Dục. Định học được cõi trời của hai cõi trên; tuệ Học được cõi Niết-bàn.

Bốn đường trên đây hợp thành ba chỗ: Giới biệt giải thoát thành tựu được sanh cõi Dục. Tâm hữu học được sanh hai cõi trên, tuệ học được chứng Niết bàn.

Lời nói này chỉ rõ sở đắc (đối tượng chứng đắc) của hai đạo Thế gian và, Xuất thế gian. Nghĩa là hai chỗ của ba cõi trước là sở đắc của đạo Thế gian (chỗ mà Đạo Thế gian được); một cõi sau, một chỗ mà Đạo xuất thế gian được.

Hai an trụ hai thứ:

1/ Người thú hưởng Niết-bàn v.v... Cảnh Pháp sư nói: “Giới an giới và an Học tâm. Học tâm an Học tâm và an Học tuệ.

Nói: “chỉ bày rõ trung gian, cho đến “làm hai thứ nhân duyên an trụ.” Nghĩa là Định tuệ đồng thời có chung luật nghi, hay làm nhân

duyên an trú của Định, tuệ.

2/ Nói: “chỉ bày rõ một thứ hơn hết hay làm nhân duyên an trú của Niết-bàn.” Nghĩa là tuệ của ba học vượt hơn, ở chỗ dứt “hoặc”, chứng Diệt, có khả năng làm nhân duyên an trú Niết-bàn.”

Cơ Pháp sư giải thích: “Làm rõ tăng thượng giới học đầu tiên, cho đến nhân duyên an trú. Đây là giải thích hai thứ an trú xoay vần làm nhân duyên: Nghĩa đầu, là Giới Biệt giải thoát tăng thượng, có công năng an trú giới Tĩnh Lự, và tâm định phương tiện tăng thượng. Tâm định phương tiện, lại hay an trú tâm định căn bản và tu tuệ tăng thượng, là gọi là đầu tiên an trú hai thứ nhân duyên. Giới Biệt giải thoát dẫn sinh, định, giới; và vì định, nên phương tiện định đầu tiên dẫn sinh định căn bản. Và, vì Tu tuệ, tức Định, tuệ, Trung gian này đều lúc thuộc về giới học Tĩnh Lự, có thể làm nhân duyên an trú của hai thứ Định, tuệ Vô lậu, là hai thứ nhân duyên an trú.

Nói trung gian. Nghĩa là giới, định đầu tiên, về sau, sinh ra định, tuệ ở nhân trước của Định, tuệ Vô lậu, nên gọi là Trung gian.

Chỉ bày rõ một thứ trên hết, hay làm nhân duyên an trú của Niết-bàn: giải thích một khả năng thu hưởng Niết-bàn, xoay vần làm nghĩa nhân duyên, vì nghĩa nhân duyên chung cho hai câu trên. Một thứ tuệ Vô lậu trên hết trong ba, cũng là quả cùng cực được sinh ra bởi hai nhân duyên (do hai nhân duyên sinh ra), nên gọi là trên hết.

Nêu hiển bày tu tập, hoặc riêng, hoặc chung, tùy theo sự thích ứng, nghĩa là giải thích về thuận, tạp trên mà tu tập nghĩa. Tu ba học riêng, gọi là thuần túy; tu ba học chung, gọi là tạp nhập. Nếu người hành động hướng về bất tịnh thì ảnh hưởng riêng hưởng đến tịnh, cũng thu hưởng cõi thiện, nghĩa là ảnh hưởng đến cõi ác.

Một giới đầu là bất động: Nghĩa là Giới học đầu tiên có thể tu chỉ có một, vì không nhờ Định, tuệ, cũng được thành.

Chính giữa không lìa ban đầu. Nghĩa là Định Học thứ hai không lìa Giới học, tu phương tiện được thành.

Không lìa hai học trên. Nghĩa là tuệ học thứ ba phải có, đủ hai Học đầu. Nếu A-la-hán ba học đã mãn, thì vượt qua tất cả Học đó.

Từ đây về sau, sẽ chỉ bày về thọ trì giới tướng. Nghĩa là hai mươi mốt bày bài tụng dưới, đây sẽ nói về tướng thanh tịnh của giới học.

Người xướng linh nói là giết mổ dê v.v... Nghĩa là theo pháp của phương Tây, nếu có người gây ra việc ác, thì bắt buộc họ phải tham dự vào nhóm tội nhân tuần hành, vừa đi vừa tố cáo: “người này đã gây ra những tội ác như thế, như thế”, đó là giết mổ dê v.v...

Người xướng lên như chớp, đó là nhà dâm nữ v.v... Chiên-Đồ-la và nhà Yết-Sỉ-Na, nghĩa là Chiên-Đồ-la, tức chấp các căn bản. Nương tựa vào nhà chấp ác, lại còn gây ra điều ác cùng cực, gọi là Yết-Sỉ-Na, như người giết mổ, gọi là chấp ác. Kẻ chấp ác kia tay cầm dao, gậy v.v... gọi là Yết-Sỉ-Na. Kẻ này tức loại cai ngục.”

Lại giải thích: “Nhà Yết-Sỉ-Na, Hán dịch gọi là Kiên cần gia.” Như người xuất ly, cũng không có gây ra việc ác Luận sư Thái nói: “Xuất gia, gọi là xuất ly. Hối, gọi là ác tác. Đối với các tội nhỏ, thấy rất sợ hãi. Ở đây giải thích như người xuất gia kia cũng không có ăn năn, cho đến không phạm tội nhỏ, nên nói rằng: “không có ăn năn.” Nếu gây tội nhỏ, như người kia hay ăn năn, về sau, cũng không có phạm tội v.v... Như người tạo ác nọ cũng không có trái phạm, nghĩa là ăn năn vì làm điều thiện ít, thì không phạm.

Giải thích bài tụng: “Chẳng phải rất trầm, rất phù v.v...” Nghĩa là xa lìa điều ác xấu kém mà tạo tác thì chẳng phải rất phù. Vì xa lìa thất niệm, nên trụ chánh niệm. Thời gian rốt ráo, nghĩa là căn bản. Thời gian phương tiện, nghĩa là quyền thuộc. Trong hai thời gian này, tu hành phạm hạnh, đều được thanh tịnh. Bài bài tụng này nói về nghĩa của năm chi giới. Năm chi, là như bài tụng Kệ Táp Tâm nói:

*“Căn bản quyền thuộc tịnh Không bị “giác”
làm hoại Nhiếp thọ ở chánh niệm Thuận
theo đạo Niết-bàn.”*

Ở dưới giải thích rằng: “Căn bản tịnh. Nghĩa là lìa nghiệp đạo căn bản. Quyền thuộc tịnh. Nghĩa là lìa nghiệp ác trước, sau.

Không bị “giác” làm hoại. Nghĩa là lìa tham, sân.

Nhiếp thọ ở chánh niệm. Nghĩa là nhiếp thọ niệm Phật, Pháp, Tăng.

Thuận theo Niết-bàn: Nghĩa là hồi hướng về Bồ-đề.

Dù thứ lớp trước, sau không đồng, mà tương vãn có đủ, nghĩa là chẳng phải quá chìm, quá nổi, tức là không bị “giác” làm hư hoại.

Thường khéo trụ chánh niệm, tức là nhiếp thọ ở chánh niệm.

Căn bản quyền thuộc tịnh. Nghĩa là như vãn, tức đồng, mà tu hành phạm hạnh, tức là thuận theo Đạo Niết-bàn.

Luật sư Thủ nói: “Mỗi giới đều có đủ năm chi này.” Lại nói: “Thọ là căn bản, năm thứ chi này là tùy theo giới thiện. Dựa vào Thọ mà khởi, gọi là Chi, cũng có thể Chi gọi là Nhân, đều có thành tựu, là công năng của quả, để làm chi.